TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **398** /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Hoàng Thị Thoa**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Đỗ Quang Linh**
Bà Hoàng Thị Xuân Hường
- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Trần Thị H Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên toà:*

Bà Vũ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2020; Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1985

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T – Sinh năm 1982

Cùng ĐKHKTT: R, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa chị H, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và bị đơn là anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/11/2009, cả hai anh chị đều kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhau tại R, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sâu sắc về cách sống lối sống, anh T có tính cách gia trưởng, trọng nam khinh nữ không có sự tôn trọng vợ, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ, anh T thường xuyên chửi bới vợ con và bạo hành chị

cả về thể xác lẫn tinh thần, tình cảm vợ chồng rơi vào tình trạng bế tắc không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn căng thẳng đến mức không thể hòa giải được nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12/2019, chị H đã thuê nhà bên ngoài để cùng với hai con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Chị H xác nhận anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức K sinh ngày 03/9/2011 và Nguyễn X, sinh ngày 04/4/2015. Ly hôn chị H xin một nuôi con chung là cháu Nguyễn X, sinh ngày 04/4/2015, chị đề nghị giao cháu Nguyễn Đức K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay chị phải đi thuê nhà để ở nên không có khả năng nuôi dưỡng cả hai con chung. Hơn nữa, anh T hiện có nhà riêng và có thu nhập ổn định, cháu Kiên cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Mỗi người nuôi một con chung nên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung, về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề gì khác.

* Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày**:**

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/11/2009, cả hai anh chị đều kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại R, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đỉnh điểm là năm 2015 khi gia đình anh T xin chuyển công tác cho chị H đến cơ quan mới, từ thời điểm đó chị H thay đổi cách sống, không quan tâm vun đắp cho gia đình, vợ chồng thường xuyên khắc khẩu dẫn đến cãi vã, xô xát với nhau, vợ chồng không trao đổi và thống nhất được với nhau trong mọi vấn đề của cuộc sống, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12/2019, chị H mang hai con ra ngoài thuê nhà để ở. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn và anh cũng không muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì anh không muốn các con bị chia rẽ.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức K sinh ngày 03/9/2011 và cháu Nguyễn X, sinh ngày 04/4/2015. Nếu ly hôn, anh đề nghị giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì anh hay phải đi công tác, anh cấp dưỡng nuôi con cho chị H 12.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh T không có yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa.

- Chị H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T vì chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng từ nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H cần phải ổn định cuộc sống để nuôi con dạy con cái.

Về con chung: Ly hôn, chị H xin được 01 con chung là cháu Nguyễn X, sinh ngày 04/4/2015, chị đề nghị giao cháu Nguyễn Đức K sinh ngày 03/9/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nhà ở chung, các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T xác định vợ chồng mâu thuẫn đã kéo dài căng thẳng, trầm trọng và không thể hàn gắn được, anh không còn tình cảm vợ chồng với chị H, chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung, anh T đề nghị ly hôn giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Đức K sinh ngày 03/9/2011 và cháu Nguyễn X, sinh ngày 04/4/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H 12.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung, các vấn đề khác : Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán đã tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Hội đồng xét xử đã tuân thủ nghiêm túc các quy định, thủ tục tại phiên tòa đảm bảo quyền và nghĩa vụ của đương sự tham gia tranh tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy mâu thuẫn của chị H, anh T đã kéo dài, trầm trọng, hai bên đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12/2019 nên mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H và giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T. Về con chung, cả chị H và anh T đều có việc làm thu nhập ổn định, mặt khác để đảm bảo về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái nên giao cháu Nguyễn Đức K sinh ngày 03/9/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn X sinh ngày 04/4/2015 cho chị H trực tiếp nuôi

dưỡng cho đến khi cả hai con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Các vấn đề khác không có nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị H xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đức T là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T cùng cư trú tại quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/11/2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sâu sắc về cách sống lối sống, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương tôn trọng nhau, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nhiều năm, cả hai bên đều không muốn quay về đoàn tụ và đã ly thân nhau từ tháng 12/2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành. Ngoài lời khai của hai bên, tại bản xác nhận tình trạng chung sống vợ chồng của tổ trưởng dân phố nơi chị H anh T cư trú thể hiện anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên không thể hòa hợp được. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh T, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã kéo dài trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau và đều đồng ý ly hôn. Do vậy, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

* Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T có hai con chung là Nguyễn Đức K sinh ngày 03/9/2011 và Nguyễn X, sinh ngày 04/4/2015. Ly hôn chị H xin nuôi 01 con, để anh T nuôi 01 con; Anh T có ý kiến ly hôn anh đề nghị giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H 12.000.000đồng/tháng. Xét hoàn cảnh thực tế của chị H và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cả chị H và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định, chị H khai thu nhập 8.000.000đồng/tháng, anh T khai thu nhập 12.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, xét chị H không có nhà ở ổn định do phải đi thuê, anh T có nhà riêng ổn định hơn, mặt khác hai con của chị H anh T đều là con trai, cháu Nguyễn Đức K có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của các con nên giao cho mỗi người nuôi một con là công bằng về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái và hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Cần giao cháu nhỏ Nguyễn X, sinh ngày 04/4/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu lớn Nguyễn Đức K sinh ngày 03/9/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác.

* Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tại phiên tòa phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Đức T. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn X, sinh ngày 04/4/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đức K sinh ngày 03/9/2011 cho anh T trực

tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau cho đến khi cả hai con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu nên không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0006843 ngày 14/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Nơi cấp ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thoa